

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3650/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 10260/TTr-SGTVT ngày 27 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 18 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải gồm 06 thủ tục mới ban hành, 03 thủ tục được sửa đổi, 02 thủ tục thay thế và 07 thủ tục bị bãi bỏ (trong đó 01 thủ tục bãi bỏ do được thay thế)

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho:

Các thủ tục có thứ tự I.1, I.2, I.9, I.12, I.14, I.15, I.29 được ban hành kèm theo Quyết định số 5643/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Các thủ tục có thứ tự II.1, II.2, II.3 được ban hành kèm theo Quyết định số 3775/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3650/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

A1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực đường thủy nội địa					
1	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Quyết định số 1363/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
2	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực	- Tại Sở GTVT: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định; - Tại UBND TP: 05 ngày làm việc kể từ	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Quyết định số 1363/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được bổ sung lĩnh vực đường thủy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	ngày nhận được hồ sơ theo quy định.			nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải
3	Thủ tục đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	- Tại Sở GTVT: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định; - Tại UBND TP: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Quyết định số 1363/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải
4	Thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa. - Quyết định số 3835/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
5	Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được	Sở Giao thông vận tải	Không	- Thông tư số 19/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về khảo

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	hồ sơ theo quy định	tải		sát phục vụ quản lý và thông báo luồng đường thủy nội địa. - Quyết định số 3835/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

A2. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Cảng vụ Đường thủy nội địa Thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực đường thủy nội địa					
1	Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa	Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Cảng vụ đường thủy nội địa Thành phố Hồ Chí Minh phải xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan, Cảng vụ đường thủy nội địa Thành phố Hồ Chí Minh phải có văn bản phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản nêu rõ lý do.	Cảng vụ Đường thủy nội địa thành phố (địa chỉ: 167 Lưu Hữu Phước, Quận 8).	Không	- Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. - Quyết định số 2734/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được bổ sung trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**B1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực đường thủy nội địa					
1	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	- Tại Sở GTVT: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định; - Tại UBND TP: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý đường thủy nội địa. - Quyết định số 3835/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
2	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bảo đảm an ninh quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	- Tại Sở GTVT: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định; - Tại UBND TP: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	- Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý đường thủy nội địa. - Quyết định số 3835/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

B2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Trường Cao đẳng giao thông vận tải

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực đường thủy nội địa					
1	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. - 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp còn hạn sử dụng bị mất.	Trường Cao đẳng GTVT	50.000 đồng/lần cấp	- Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt. - Quyết định số 2250/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

C. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực đường thủy nội địa					
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Sở Giao thông vận	Không	- Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa		tải		<p>định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 01/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. - Quyết định số 2084a/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
2.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng; 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đối với trường hợp cấp lại giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở	Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa; - Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 01/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đào tạo.			sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. - Quyết định số 2084a/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

D. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực hàng hải		
1	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định bằng tàu khách cao tốc đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	- Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa; - Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
2	Thủ tục chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo hợp đồng chuyến	- Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa; - Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục chấp thuận cho tàu khách cao tốc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi không có mục đích kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa; - Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
II. Lĩnh vực đường thủy nội địa		
4	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa; - Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
5	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa; - Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.
6	Thủ tục phê duyệt hồ sơ đề xuất dự án thực hiện đầu tư nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm trên tuyến đường	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa (đã bãi bỏ Thông tư 69/2015/TT-BGTVT ngày 09 tháng 11 năm 2015 quy định

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
	thủy nội địa địa phương và vùng nước cảng, bến thủy nội địa nằm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương do Ủy ban nhân dân Thành phố công bố	<p>về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm);</p> <p>- Quyết định số 1836/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.</p>
7	Thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ	<p>- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;</p> <p>- Thông tư số 01/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.</p> <p>- Quyết định số 2084a/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.</p> <p>(Bãi bỏ do được thay thế bởi thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa)</p>